

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. HCM
TRƯỜNG THPT PHÚ NHUẬN

Mã đề thi 132

ĐỀ THI THỬ ĐẠI HỌC LẦN 1 – 2015 - 2016

MÔN: SINH – KHỐI B

Thời gian làm bài: 90 phút
(50 câu trắc nghiệm)

Họ, tên thí sinh:..... Số báo danh:..... Lớp: 12 A

Câu 1: Trong mã di truyền, có bao nhiêu tổ hợp các bộ ba không chứa X?

- A. 37 B. 8 C. 16 D. 27

Câu 2: Ở 1 loài vi khuẩn, mạch bổ sung với mạch khuôn của gen có tỉ lệ các loại nucleotit A, T, G, X lần lượt là: 10%; 20%; 30% và 40%. Khi gen trên phiên mã 3 lần đã lấy từ môi trường nội bào 360 nucleotit loại A, trên mỗi mARN có 5 riboxom dịch mã 1 lần. Số lượng nucleotit môi trường cung cấp cho phiên mã và số lượt tARN đã tham gia quá trình dịch mã là:

- A. 7200 nucleotit và 5985 lượt tARN. B. 3600 nucleotit và 1995 lượt tARN.
C. 3600 nucleotit và 5985 lượt tARN. D. 1800 nucleotit và 2985 lượt tARN.

Câu 3: Ở người, bệnh điếc bẩm sinh do gen lặn nằm trên nhiễm sắc thể thường quy định, bệnh mù màu do gen lặn nằm trên nhiễm sắc thể giới tính X. Ở một cặp vợ chồng, bên phía người vợ có bố bị mù màu, có mẹ bị điếc bẩm sinh. Bên phía người chồng có em gái bị điếc bẩm sinh. Những người khác trong gia đình đều không bị hai bệnh này. Cặp vợ chồng này sinh 1 đứa con, xác suất để đứa con này là con trai và không bị cả hai bệnh này là:

- A. $\frac{5}{16}$ B. $\frac{5}{24}$ C. $\frac{5}{8}$ D. $\frac{9}{32}$

Câu 4: Khi nói về chọn lọc tự nhiên, điều nào sau đây không đúng?

- A. Trong một quần thể, sự chọn lọc tự nhiên làm giảm tính đa dạng của sinh vật
B. Cạnh tranh cùng loài là một trong những nhân tố gây ra sự chọn lọc tự nhiên
C. Áp lực của chọn lọc tự nhiên càng lớn thì sự hình thành các đặc điểm thích nghi càng chậm
D. Chọn lọc tự nhiên là nhân tố quy định chiều hướng tiến hóa của sinh giới

Câu 5: Ở một loài thực vật, khi lai 2 giống thuần chủng khác nhau bởi các cặp tính trạng tương phản được F₁ đồng loạt cây cao, hạt vàng. Cho F₁ giao phấn tự do được F₂ có tỉ lệ 67,5% cây cao, hạt vàng; 17,5% cây thấp, hạt trắng; 7,5% cây cao, hạt trắng; 7,5% cây thấp, hạt vàng. Cho biết mỗi tính trạng do một gen quy định và hoán vị gen chỉ xảy ra ở giới đực. Nếu lấy hạt phấn của cây F₁ thụ phấn cho cây thấp, hạt trắng thì loại kiểu hình cây cao, hạt vàng ở đời con chiếm tỉ lệ:

- A. 67,5% B. 15% C. 25% D. 35%

Câu 6: Cho các thông tin về diễn thế sinh thái như sau:

- (1) Xuất hiện ở môi trường đã có một quần xã sinh vật từng sống
(2) Có sự biến đổi tuần tự của quần xã qua các giai đoạn tương ứng với sự biến đổi của môi trường
(3) Song song với quá trình biến đổi quần xã trong diễn thế là quá trình biến đổi về các điều kiện tự nhiên của môi trường
(4) Luôn dẫn tới quần xã bị suy thoái

Các thông tin phản ánh sự giống nhau giữa diễn thế nguyên sinh và diễn thế thứ sinh là:

- A. (1) và (2) B. (3) và (4) C. (1) và (4) D. (2) và (3)

Câu 7: Cho quy ước gen ở một loài thực vật: A: Quả đỏ; a: Quả xanh; B: Chín sớm; b: Chín muộn.

Hai cặp gen cùng nằm trên một cặp NST tương đồng. Khi tự thụ phấn giữa F₁ dị hợp hai cặp gen thu được 4 loại kiểu hình, trong số 2400 cây, có 384 cây quả xanh, chín muộn. F₁ có kiểu gen và tần số hoán vị là:

- A. $\frac{AB}{ab}$, tần số hoán vị gen bằng 20% B. $\frac{AB}{ab}$, tần số hoán vị gen bằng 40%
C. $\frac{Ab}{aB}$, tần số hoán vị gen bằng 40% D. $\frac{Ab}{aB}$, tần số hoán vị gen bằng 20%

Câu 8: Một thể khảm đa bội xuất hiện trên cây lưỡng bội là do:

- A. Tế bào sinh dục bị đột biến khi thực hiện giảm phân.
B. Một hay một số tế bào sinh dưỡng bị đột biến đa bội.
C. Hợp tử bị đột biến đa bội.
D. Sự thụ tinh giữa các giao tử bất thường.

Câu 9: Tính trạng nào sau đây ở người, do gen nằm trên NST giới tính quy định?

- I. Bệnh mù màu (đỏ, lục).
II. Bệnh bạch tạng.
III. Dị tật dính ngón tay hai và ba bằng màng nối.
IV. Bệnh máu khó đông.
V. Bệnh đái tháo đường.

Phương án đúng là:

- A. I, III, IV, V B. I, III, IV C. II, III, IV, V D. I, II, IV

Câu 10: Trong chọn giống thực vật, con người tạo ra giống đồng hợp về tất cả các gen bằng phương pháp:

- A. Tự thụ phấn. B. Lai tế bào sinh dưỡng

- C. Tự thụ phấn và lai phân tích. D. Nuôi cấy hạt phấn
- Câu 11:** Các kỉ trong đại Cổ sinh được xếp theo thứ tự là:
 A. Xilua – Ôđôvic – Cambri – Đêvôn – Than đá – Pecmi
 B. Cambri – Ôđôvic – Xilua – Đêvôn – Than đá – Pecmi
 C. Cambri – Ôđôvic – Đêvôn – Xilua – Than đá – Pecmi
 D. Ôđôvic – Cambri – Xilua – Đêvôn – Than đá – Pecmi
- Câu 12:** Khảo sát sự di truyền tính trạng màu sắc hoa ở một loài, người ta thực hiện các phép lai sau:
 Phép lai 1: ♀ hoa đỏ × ♂ hoa tím → F₁₋₁ 100% hoa đỏ.
 Phép lai 2: ♀ hoa tím × ♂ hoa đỏ → F₁₋₂ 100% hoa tím.
 Lấy hạt phấn cây hoa đỏ ở F₁₋₁ giao phấn với cây hoa tím ở F₁₋₂ sẽ thu được đời F₂ có tỉ lệ kiểu hình là :
 A. 100% cây hoa tím B. 3 cây hoa đỏ: 1 cây hoa tím.
 C. 3 cây hoa tím: 1 cây hoa đỏ D. 1 cây hoa đỏ: 1 cây hoa tím.
- Câu 13:** Đột biến sai nghĩa là:
 A. Trường hợp thay thế 1 cặp nuclêôtit ở mã mở đầu, sau đó nhờ enzym sửa sai vẫn xảy ra quá trình phiên mã.
 B. Trường hợp thay thế 1 cặp nuclêôtit dẫn đến thay thế 1 axit amin trong chuỗi pôlipeptit.
 C. Trường hợp thay thế 1 cặp nuclêôtit ở mã mở đầu, làm ngưng quá trình tổng hợp prôtêin của gen.
 D. Trường hợp sau đột biến, tính trạng biểu hiện không theo mong muốn của con người.
- Câu 14:** Trong quần xã sinh vật, hiện tượng nào sau đây sẽ làm giảm cạnh tranh giữa các cá thể khác loài, tăng khả năng sử dụng và khai thác nguồn sống của môi trường?
 A. Cộng sinh giữa các cá thể B. Phân tầng trong quần xã
 C. Biến động số lượng của các quần thể D. Diễn thế sinh thái
- Câu 15:** Cấu trúc một đơn phân của ADN (Nucleotit) gồm:
 A. Axit photphoric, đường ribôzơ, 1 bazơ nitric
 B. Đường Đêôxiribô, Axit photphoric, Axit amin
 C. Axit photphoric, đường ribôzơ, Adênin
 D. Axit photphoric, Đường Đêôxiribô, 1 bazơ nitric
- Câu 16:** Biết D là gen quy định lông màu đen ở mèo, d là gen quy định lông màu hung đều liên kết với giới tính X và không có alen trên NST Y. D không lấn át hoàn toàn so với d nên mèo mang cả 2 gen này biểu hiện mèo tam thể. Mèo đực tam thể có kiểu gen như thế nào và tại sao rất hiếm gặp?
 A. X^DX^dY, do đột biến thể dị bội có tần số thấp. B. X^DdY, do đột biến gen có tần số thấp.
 C. X^dY^D, do dạng này thường bị gây chết. D. X^DX^d, do dạng này thường bị gây chết.
- Câu 17:** Cơ sở tế bào học của hoán vị gen là:
 A. Sự phân li độc lập và tổ hợp tự do của 2 cặp NST đồng dạng.
 B. Sự tiếp hợp và trao đổi chéo giữa 2 crômatit của 1 NST kép xảy ra vào kì trước I giảm phân.
 C. Sự tiếp hợp và trao đổi chéo giữa 2 crômatit của cặp NST tương đồng ở kì trước I giảm phân.
 D. Sự tiếp hợp theo chiều dọc của 2 crômatit của cặp NST tương đồng ở thể kép khi giảm phân.
- Câu 18:** Dùng cónsixin để xử lý các hợp tử lưỡng bội có kiểu gen Aa thu được các thể tứ bội. Cho các thể tứ bội trên giao phấn với nhau, trong trường hợp các cây bố mẹ giảm phân bình thường, tính theo lý thuyết tỉ lệ phân li kiểu gen ở đời con là:
 A. 1 AAAA: 8 AAAa: 18 Aaaa: 8 AAaa: 1 aaaa
 B. 1 AAAA: 8 AAAa: 18 AAaa: 8 Aaaa: 1 aaaa
 C. 1 AAAA: 8 AAAa: 18 AAAa: 8 Aaaa: 1 aaaa
 D. 1 AAAA: 4 AAAa: 6 Aaaa: 4 Aaaa: 1 aaaa
- Câu 19:** Mẹ bị đột biến thể một cặp nhiễm sắc thể số 4, bố bị đột biến thể ba cặp nhiễm sắc thể số 2. Cho rằng trong giảm phân của bố và mẹ, nhiễm sắc thể vẫn phân ly bình thường, không phát sinh đột biến mới. Người con đầu của họ có số lượng nhiễm sắc thể trong tế bào sinh dưỡng bằng số lượng nhiễm sắc thể của người bình thường. Khả năng người con đó của họ bị đột biến nhiễm sắc thể là:
 A. 25%. B. 75%. C. 50%. D. 37,5%.
- Câu 20:** Cho F₁ mang các gen dị hợp, kiểu hình quả tròn giao phối với cá thể khác, thu được 804 cây quả tròn và 1340 cây quả dài. Đặc điểm di truyền chi phối phép lai trên là:
 A. Qui luật phân li B. Tương tác bổ sung C. Tương tác cộng gộp D. Tương tác át chế
- Câu 21:** Theo quan niệm hiện đại, quan hệ giữa các nhân tố nào sau đây hình thành đặc điểm thích nghi cho sinh vật?
 A. Quá trình đột biến, quá trình chọn lọc tự nhiên, các cơ chế cách li.
 B. Quá trình giao phối, quá trình chọn lọc tự nhiên, các cơ chế cách li.
 C. Quá trình đột biến, quá trình giao phối, quá trình chọn lọc tự nhiên.
 D. Quá trình biến dị, quá trình di truyền, quá trình chọn lọc tự nhiên.
- Câu 22:** Gọi p, q, r lần lượt là tần số các alen I^A, I^B, I^O qui định các nhóm máu. Khi đạt trạng thái cân bằng di truyền thì tần số tương đối alen I^O của quần thể là:
 A. r² + 2pq. B. r² + 2pr. C. r² + 2qr + q². D. pr + qr + r².
- Câu 23:** Nội dung nào sau đây sai đối với quan niệm của Đacuyn?
 A. Chọn lọc tự nhiên là quá trình tạo ra các nòi và thứ mới trong phạm vi một loài.
 B. Chọn lọc tự nhiên là quá trình sống sót của những dạng sinh vật thích nghi nhất với môi trường sống.

C. Chọn lọc tự nhiên là quá trình tích lũy các biến dị có lợi, đào thải biến dị bất lợi đối với sinh vật.

D. Chọn lọc tự nhiên là động lực thúc đẩy sinh giới tiến hóa.

Câu 24: Trên gen có 1 bazơ nitơ dạng hiếm A*, sau 5 lần nhân đôi tối đa sẽ xuất hiện bao nhiêu gen đột biến dạng thay thế cặp A - T → G - X ?

A. 5.

B. 31.

C. 15.

D. 7.

Câu 25: Xét 1 cây kiểu gen Aa và 2 cây khác kiểu gen aa. Cho các cây nói trên tự thụ qua 3 thế hệ, sau đó cho ngẫu phối.

Cấu trúc di truyền của quần thể khi đạt trạng thái cân bằng về thành phần kiểu gen là:

A. $\frac{7}{16}AA + \frac{2}{16}Aa + \frac{7}{16}aa$.

B. $0,25AA + 0,50Aa + 0,25aa$.

C. $\frac{7}{48}AA + \frac{2}{48}Aa + \frac{39}{48}aa$

D. $\frac{1}{36}AA + \frac{10}{36}Aa + \frac{25}{36}aa$.

Câu 26: Đặc điểm chỉ có ở thể dị đa bội mà **không có** ở thể tự đa bội là:

A. Không có khả năng sinh sản hữu tính

B. Bộ nhiễm sắc thể tồn tại theo từng cặp tương đồng

C. Tế bào sinh dưỡng mang bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội của 2 loài khác nhau

D. Hàm lượng ADN trong tế bào sinh dưỡng tăng lên so với dạng lưỡng bội

Câu 27: Cho biết: A_B_ : Hoa đỏ; A_bb = aaB_ : Hoa đỏ nhạt; aabb: Hoa trắng.

Phép lai giữa P: AaBb x Aabb cho kết quả phân li kiểu hình ở đời F₁ là:

A. 4 hoa đỏ nhạt: 3 hoa đỏ: 1 hoa trắng

B. 3 hoa đỏ: 3 hoa đỏ nhạt: 1 hoa trắng

C. 9 hoa đỏ: 3 hoa đỏ nhạt: 1 hoa trắng

D. 4 hoa đỏ: 3 hoa đỏ nhạt: 1 hoa trắng

Câu 28: Xét các quá trình sau:

1- Tạo cừu Đôli

2- Tạo giống dâu tằm tam bội

3- Tạo giống bông kháng sâu hại

4- Tạo chuột bạch có gen của chuột cống

Những quá trình nào thuộc ứng dụng của công nghệ gen?

A. 1, 2

B. 3, 4

C. 1, 3, 4

D. 2, 3, 4

Câu 29: Đem lai giữa cặp bố mẹ đều thuần chủng khác nhau hai cặp gen tương phản, thu được F₁ đồng loạt xuất hiện hoa kép, màu trắng. Cho F₁ tự thụ, nhận được 10032 cây gồm 4 loại kiểu hình, trong đó có 1881 cây hoa đơn, màu trắng. Tương phản với hoa trắng là hoa tím. Cho biết hai cặp gen là Aa, Bb. Kiểu gen của bố mẹ trong phép lai trên là:

A. AABB x AaBb

B. $\frac{AB}{ab} \times \frac{AB}{ab}$ (tần số hoán vị 40%)

C. AaBb x aaBb

D. AaBb x aaBB hoặc AABB x aabb

Câu 30: Ở vi khuẩn gen cấu trúc mã hóa loại protein A bị đột biến, gen đột biến điều khiển tổng hợp protein B. Cho biết phân tử protein B ít hơn A 1 axit amin và có 3 axit amin mới. Giả sử không có hiện tượng dư thừa mã di truyền và đột biến không làm xuất hiện mã kết thúc, loại đột biến đã xảy ra trong gen mã hóa protein A là:

A. Thay thế 15 nucleotit liên tiếp.

B. Mất 3 cặp nucleotit thuộc 3 codon liên tiếp.

C. Mất 3 cặp nucleotit liên tiếp.

D. Mất 3 cặp nucleotit thuộc 4 codon liên tiếp.

Câu 31: Đặc điểm nổi bật ở đại Trung sinh là:

A. Thực vật hạt trần và bò sát chiếm ưu thế

B. Sự phát triển ưu thế của thực vật hạt kín và thú

C. Sự phát triển ưu thế của thực vật hạt trần và thú

D. Hệ thực vật phát triển, hệ động vật ít phát triển

Câu 32: Về cấu tạo, cả ADN và prôtêin đều có điểm chung là:

A. đều có đơn phân giống nhau và liên kết theo nguyên tắc bổ sung

B. Các đơn phân liên kết với nhau bằng liên kết photphodiester

C. đều cấu tạo theo nguyên tắc đa phân, có tính đa dạng và đặc thù

D. đều có thành phần nguyên tố hóa học giống nhau

Câu 33: Phát biểu **không đúng** về sự phát sinh sự sống trên Trái Đất là:

A. Nhiều bằng chứng thực nghiệm thu được đã ủng hộ quan điểm cho rằng các chất hữu cơ đầu tiên trên Trái Đất được hình thành bằng con đường tổng hợp hóa học.

B. Các chất hữu cơ đơn giản đầu tiên trên Trái Đất có thể được xuất hiện bằng con đường tổng hợp hóa học.

C. Sự xuất hiện sự sống gắn liền với sự xuất hiện các đại phân tử hữu cơ có khả năng tự nhân đôi.

D. Chọn lọc tự nhiên không tác động ở những giai đoạn đầu tiên của quá trình tiến hóa hình thành tế bào sơ khai mà chỉ tác động từ khi sinh vật đa bào đầu tiên xuất hiện.

Câu 34: Chọn từ phù hợp điền vào khái niệm sau: "Quần thể giao phối là...(I)..., trải qua nhiều thế hệ đã cùng...(II)..., trong đó các cá thể...(III)..., và được...(IV)... ở mức độ nhất định với các nhóm cá thể lân cận cũng...(V)..."

(1) Thuộc loài đó; (2) Chung sống trong một khoảng không gian xác định; (3) Giao phối tự do với nhau; (4) Cách ly; (5) Một nhóm cá thể cùng loài.

A. I.4 – II.5 – III.2 – IV.1 – V.3.

B. I.1 – II.2 – III.3 – IV.4 – V.5.

C. I.5 – II.2 – III.3 – IV.4 – V.1.

D. I.2 – II.1 – III.4 – IV.3 – V.5.

Câu 35: Ở Ruồi giấm có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội $2n = 8$. Xét 3 tế bào sinh dục sơ khai ở vùng sinh sản đều nguyên phân liên tiếp 9 đợt. 1,5625% tế bào con trải qua giảm phân. Số giao tử được sinh ra là:

A. 96 hay 48

B. 48

C. 24

D. 96

Câu 36: Một đột biến có hại và chỉ sau một thế hệ đã bị loại ra khỏi quần thể khi nó là:

- A. Đột biến gen trội trên nhiễm sắc thể thường B. Đột biến gen lặn trên nhiễm sắc thể X
C. Đột biến gen lặn trên nhiễm sắc thể thường D. Đột biến gen lặn ở tế bào chất

Câu 37: Quan hệ dinh dưỡng giữa các loài trong quần xã chủ yếu phản ánh:

- A. Mức độ quan hệ giữa các loài.
B. Dòng năng lượng trong quần xã.
C. Sinh khối của các bậc dinh dưỡng trong quần xã.
D. Sự phụ thuộc về nguồn dinh dưỡng giữa các loài.

Câu 38: Vì sao quá trình giao phối không ngẫu nhiên được xem là nhân tố tiến hóa cơ bản?

- A. Vì làm thay đổi tần số các kiểu gen trong quần thể.
B. Vì tạo ra trạng thái cân bằng di truyền của quần thể.
C. Vì tạo ra vô số biến dị tổ hợp.
D. Vì tạo ra những tổ hợp gen thích nghi.

Câu 39: Trong một hệ sinh thái:

- A. Năng lượng thất thoát qua mỗi bậc dinh dưỡng của chuỗi thức ăn là rất lớn.
B. Năng lượng của sinh vật sản xuất bao giờ cũng nhỏ hơn năng lượng của sinh vật tiêu thụ nó.
C. Sự chuyển hóa vật chất diễn ra không theo chu kỳ.
D. Sự biến đổi năng lượng diễn ra theo chu trình.

Câu 40: Trong các hình thức cách li được trình bày dưới đây, loại cách li nào bao gồm các trường hợp còn lại?

- A. Cách li sinh thái B. Cách li tập tính C. Cách li cơ học D. Cách li sinh sản

Câu 41: Tính trạng nào sau đây ở người, do gen nằm trên NST giới tính qui định?

- I. Bệnh mù màu (đỏ, lục).
II. Bệnh bạch tạng.
III. Dị tật dính ngón tay hai và ba bằng màng nối.
IV. Bệnh máu khó đông.
V. Bệnh đái tháo đường.

Phương án đúng là:

- A. I, III, IV, V B. I, III, IV C. II, III, IV, V D. I, II, IV

Câu 42: Trong một hệ sinh thái, chuỗi thức ăn không tồn tại độc lập vì?

- A. Quy luật sinh thái không cho phép.
B. Sinh vật luôn đấu tranh sinh tồn với giới vô cơ và giới hữu cơ.
C. Một loài có thể sử dụng nhiều loài khác làm nguồn thức ăn; một loài còn là nguồn thức ăn cho nhiều loài.
D. Hệ sinh thái là một cấu trúc động

Câu 43: Có hai quần thể của cùng một loài. Quần thể thứ nhất có 900 cá thể, trong đó tần số A là 0,6. Quần thể thứ 2 có 300 cá thể, trong đó tần số A là 0,4. Nếu toàn bộ các cá thể ở quần thể 2 di cư vào quần thể 1 tạo nên quần thể mới. Khi quần thể mới đạt trạng thái cân bằng di truyền thì kiểu gen AA có tỉ lệ:

- A. 45 B. 0,495 C. 0,3025 D. 0,55

Câu 44: Một số loài chim thường đậu trên lưng và nhặt các loài kí sinh trên cơ thể động vật móng guốc làm thức ăn. Mỗi quan hệ giữa các loài chim này với động vật móng guốc nói trên thuộc mỗi quan hệ:

- A. Sinh vật này ăn sinh vật khác B. Hội sinh
C. Hợp tác D. Cộng sinh

Câu 45: Trong các mối quan hệ sau đây, mối quan hệ nào có vai trò thúc đẩy sự tiến hóa của cả hai loài?

- A. Quan hệ ức chế - cảm nhiễm B. Quan hệ kí sinh – vật chủ
C. Quan hệ hội sinh D. Quan hệ vật ăn thịt – con mồi

Câu 46: Trong trường hợp nào sau đây, sự cạnh tranh cùng loài diễn ra khốc liệt nhất?

- A. Kích thước quần thể đạt mức tối đa B. Kích thước quần thể dưới mức tối thiểu
C. Các cá thể phân bố một cách ngẫu nhiên D. Các cá thể phân bố theo nhóm

Câu 47: Khoảng giá trị của nhân tố sinh thái gây ức chế hoạt động sinh lý đối với cơ thể sinh vật, nhưng chưa gây chết được gọi là :

- A. Khoảng thuận lợi B. Khoảng chống chịu C. Giới hạn sinh thái D. Ổ sinh thái

Câu 48: Tính trạng nhóm máu ở người do 3 alen quy định. Một huyện đảo có tần số $I^A = 0,3$; $I^B = 0,5$. Nếu quần thể đang cân bằng về di truyền thì người có nhóm máu A chiếm tỉ lệ là:

- A. 21% B. 9% C. 15% D. 30%

Câu 49: Cho biết mỗi cặp tính trạng do một cặp gen quy định và trội hoàn toàn. Tần số hoán vị gen giữa A và B là 20%. Ở phép lai $\frac{AB}{ab} X^{DY} \times \frac{Ab}{ab} X^{DY}$, theo lý thuyết thì kiểu hình aaB-D- ở đời con chiếm tỉ lệ là:

- A. 56,25% B. 25% C. 3,75% D. 99,609375%

Câu 50: Theo Đacuyn, các nhân tố nào sau đây và mối quan hệ của nó, là cơ chế hình thành mọi đặc điểm thích nghi của sinh vật với môi trường sống?

- A. Đột biến, giao phối, chọn lọc tự nhiên B. Đột biến, giao phối, chọn lọc nhân tạo
C. Biến dị, di truyền, chọn lọc tự nhiên D. Biến dị, di truyền, chọn lọc nhân tạo

ĐÁP ÁN

1. D	11. B	21. C	31. A	41. B
2. C	12. A	22. D	32. C	42. C
3. B	13. B	23. A	33. D	43. C
4. C	14. B	24. C	34. C	44. C
5. D	15. D	25. D	35. A	45. D
6. D	16. A	26. C	36. A	46. A
7. A	17. C	27. A	37. B	47. B
8. B	18. B	28. B	38. A	48. A
9. B	19. C	29. D	39. A	49. C
10. D	20. B	30. D	40. D	50. C